

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2017

Số: 424/TB-HVKHXH

SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH GIA LAI

ĐẾN Số:.....

Ngày:...../...../20.....

Chuyên:.....

Lưu hồ sơ số: - Căn cứ Quy chế

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ ĐỢT 1 NĂM 2018

ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Căn cứ Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện Khoa học xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 619/QĐ-KHXH ngày 8 tháng 3 năm 2017 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ Quyết định số 4432/QĐ-HVKHXH ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 619/QĐ-HVKHXH ngày 08/3/2017 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội;

Học viện Khoa học xã hội thông báo tuyển sinh trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2018 như sau:

I. CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

1. Ngôn ngữ học, mã số: 9229020;
2. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu, mã số: 9222024;
3. Ngôn ngữ Việt Nam, mã số: 9220102;
4. Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam, mã số: 9220109;
5. Hán Nôm, mã số: 9220104;
6. Lý luận văn học, mã số: 9220120;
7. Văn học Việt Nam, mã số: 9220121;
8. Văn học dân gian, mã số: 9220125;
9. Văn học nước ngoài, mã số: 9220242;
10. Lịch sử thế giới, mã số: 9229011;
11. Lịch sử Việt Nam, mã số: 9229013;
12. Kinh tế chính trị, mã số: 9310102;
13. Quản lý kinh tế, mã số: 9340410;
14. Kinh tế học, mã số: 9310101;
15. Kinh tế phát triển, mã số: 9310105;
16. Kinh tế quốc tế, mã số: 9310106;
17. Nhân học, mã số: 9310302;
18. Văn hóa học, mã số: 9229040;
19. Tôn giáo học, mã số: 9229009;
20. Khảo cổ học, mã số: 9229017;
21. Tâm lý học, mã số: 9310401;
22. Xã hội học, mã số: 9310301;
23. Triết học, mã số: 9229001;
24. Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, mã số: 9229002;
25. Logic học, mã số: 9229004;

- 26. Đạo đức học, mã số: 9229006;
- 27. Mỹ học, mã số: 9229007;
- 28. Luật hiến pháp và luật hành chính, mã số: 9380102;
- 29. Luật hình sự và tổ tụng hình sự, mã số: 9380104;
- 30. Luật kinh tế, mã số: 9380107;
- 31. Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, mã số: 9380105;
- 32. Quản trị kinh doanh, mã số: 9340101;
- 33. Quản lý giáo dục, mã số: 9140114;
- 34. Chính sách công, mã số: 9340402;
- 35. Công tác xã hội, mã số: 9760101;
- 36. Chính trị học, mã số: 9310201.

II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Hình thức đào tạo

Các lớp nghiên cứu sinh được tổ chức học theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục;
- Thời gian đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 4 năm tập trung liên tục.

Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được thi chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như trên, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Học viện trong giai đoạn 24 tháng đầu (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh).

3. Địa điểm tổ chức lớp học

- Các lớp nghiên cứu sinh được tổ chức học tại Học viện Khoa học xã hội, 477 Đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Tổng chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2018 của Học viện Khoa học xã hội dự kiến là 200 chỉ tiêu. Số chỉ tiêu tuyển sinh đợt 1 năm 2018 dự kiến là 100 chỉ tiêu. Số chỉ tiêu chính thức sẽ được thông báo sau khi Học viện Khoa học xã hội nhận được thông báo xác nhận chỉ tiêu đào tạo năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Chỉ tiêu dự kiến phân bổ cho các ngành, chuyên ngành như sau:

TT	Ngành, chuyên ngành	Số lượng	Ghi chú
1	Luật hiến pháp và luật hành chính	20	
2	Luật hình sự và tổ tụng hình sự		
3	Luật kinh tế		
4	Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm		
5	Kinh tế học	12	
6	Kinh tế chính trị		
7	Kinh tế phát triển		
8	Quản lý kinh tế		
9	Ngôn ngữ học	5	
10	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu		
11	Ngôn ngữ Việt Nam		
12	Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số		